

PART 3: CÂU HỎI VỀ CHỦ ĐỀ, MỤC ĐÍCH CỦA CUỘC HỘI THOẠI



1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Câu hỏi thông tin tổng quát thường là **câu hỏi đầu tiên** trong số 3 câu mỗi đoạn hội thoại, yêu cầu người nghe phải nắm được vấn đề đang được bàn luận, nói đến trong đoạn hội thoại.
- Thông tin để trả lời câu hỏi này sẽ nằm ở phần đầu của cuộc hội thoại.

- Các câu hỏi thông tin chung thường là:
 - What are the speakers (mainly) discussing?
 - What is the man/ the woman concerned about?
 - What is the problem?
 - Why does the man/ the woman call?
 - What is the reason for John's call?

2. PHÂN TÍCH VÍ DỤ

- Example 1:

Q: What are the speakers discussing?

Người nói đang bàn luận việc gì?

(A) A fundraiser

Một buổi gây quỹ

(B) A health fair

Một hội chợ về sức khỏe

(C) A facility tour

Một chuyến tham quan nhà máy

(D) A business trip

Một chuyến công tác

- Example 1:

Q: What are the speakers discussing? => Dạng câu hỏi về chủ đề, mục đích
Người nói đang bàn luận việc gì? => Nghe thông tin ở những câu đầu tiên

(A) A fundraiser

Một buổi gây quỹ

(B) A health fair

Một hội chợ về sức khỏe

(C) A facility tour

Một chuyến tham quan nhà máy

(D) A business trip

Một chuyến công tác

- Example 1:



Q: What are the speakers discussing?

Người nói đang bàn luận việc gì?

(A) A fundraiser

Một buổi gây quỹ

(B) A health fair

Một hội chợ về sức khỏe

(C) A facility tour

Một chuyến tham quan nhà máy

(D) A business trip

Một chuyến công tác

- Example 1:

Woman: Takumi, I'm planning to attend the company health fair on Monday.

Would you be interested in going together?

Man: Oh, I'm on vacation next week. I did go last year-it was really great. I learned some exercises and stretches that are helpful for office workers like us. I still do them every day.

Q: What are the speakers discussing?

Người nói đang bàn luận việc gì?

(A) A fundraiser

Một buổi gây quỹ

(B) A health fair

Một hội chợ về sức khỏe

(C) A facility tour

Một chuyến tham quan nhà máy

(D) A business trip

Một chuyến công tác

- Example 1:

Woman: Takumi, I'm planning to attend
=> Nói về dự định
the company health fair on Monday.

Would you be interested in going
together?

Man: Oh, I'm on vacation next week. I did
go last year-it was really great. I learned
some exercises and stretches that are
helpful for office workers like us. I still do
them every day.

Q: What are the speakers discussing?

Người nói đang bàn luận việc gì?

(A) A fundraiser

Một buổi gây quỹ

(B) A health fair

Một hội chợ về sức khỏe

(C) A facility tour

Một chuyến tham quan nhà máy

(D) A business trip

Một chuyến công tác

- Example 1:

Woman: Takumi, I'm planning to attend
=> Nói về dự định
the company health fair on Monday.

Would you be interested in going
together?

Man: Oh, I'm on vacation next week. I did
go last year-it was really great. I learned
some exercises and stretches that are
helpful for office workers like us. I still do
them every day.

Q: What are the speakers discussing?

Người nói đang bàn luận việc gì?

(A) A fundraiser

Một buổi gây quỹ

(B) A health fair

Một hội chợ về sức khỏe

(C) A facility tour

Một chuyến tham quan nhà máy

(D) A business trip

Một chuyến công tác

- Example 2:

Q: What problem is the woman reporting?

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

(A) An accounting error has been made.

Lỗi kế toán

(B) A printer is out of order.

Máy in hỏng

(C) Some office supplies have been used up.

Hết văn phòng phẩm

(D) A document has become lost.

Mất tài liệu

- Example 2:

Q: What problem is the woman reporting?

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

(A) An accounting error has been made.

Lỗi kế toán

(B) A printer is out of order.

Máy in hỏng

(C) Some office supplies have been used up.

Hết văn phòng phẩm

(D) A document has become lost.

Mất tài liệu

Lưu ý: đọc nhanh và nhớ ngắn gọn các đáp án để tránh mất thời gian và bị lẫn lộn thông tin. Mặc dù đáp án viết dưới dạng 1 câu dài nhưng ta chỉ cần nhớ ý chính.

- Example 2:



Q: What problem is the woman reporting?

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

- (A) An accounting error has been made.
Lỗi kế toán
- (B) A printer is out of order.
Máy in hỏng
- (C) Some office supplies have been used up.
Hết văn phòng phẩm
- (D) A document has become lost.
Mất tài liệu

- Example 2:

Woman: Hello, this is Kelly in the accounting department. **The ink cartridge in the printer on the fourth floor has run out.** Do you think you could come to replace it today?

Man: Sure. By the way, can I ask you a favor? I need you to let me know what model the machine is so I can bring the correct one. Actually, I'm not in the office right now, so I can't see what it is.

Q: What problem is the woman reporting?

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

(A) An accounting error has been made.

Lỗi kế toán

(B) A printer is out of order.

Máy in hỏng

(C) Some office supplies have been used up.

Hết văn phòng phẩm

(D) A document has become lost.

Mất tài liệu

- Example 2:

Woman: Hello, this is Kelly in the accounting department. **The ink cartridge in the printer on the fourth floor has run out.** Do you think you could come to replace it today?

Man: Sure. By the way, can I ask you a favor? I need you to let me know what model the machine is so I can bring the correct one. Actually, I'm not in the office right now, so I can't see what it is.

Q: What problem is the woman reporting?

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

(A) An accounting error has been made.

Lỗi kế toán

(B) A printer is out of order.

Máy in hỏng

(C) Some office supplies have been used up.

Hết văn phòng phẩm

(D) A document has become lost.

Mất tài liệu

- Example 2:

Woman: Hello, this is Kelly in the accounting department. **The ink cartridge in the printer on the fourth floor has run out.** Do you think you could come to replace it today?

Man: Sure. By the way, can I ask you a favor? I need you to let me know what model the machine is so I can bring the correct one. Actually, I'm not in the office right now, so I can't see what it is.

Q: What problem is the woman reporting?

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

(A) An accounting error has been made.

Lỗi kế toán

(B) A printer is out of order.

Máy in hỏng

(C) Some office supplies have been used up.

Hết văn phòng phẩm

(D) A document has become lost.

Mất tài liệu

Kết luận: So sánh example 1 và 2, ta thấy được cùng là dạng câu hỏi về chủ đề mục đích nhưng:

- Example 1: từ khóa trong bài và trong câu hỏi trùng nhau. Các đáp án ngắn và dễ nhớ.
- Example 2: từ khóa trong bài và trong câu hỏi được paraphrase toàn bộ. Các đáp án là câu dài.

Kết luận: So sánh example 1 và 2, ta thấy được cùng là dạng câu hỏi về chủ đề mục đích nhưng:

- Example 1: từ khóa trong bài và trong câu hỏi trùng nhau. Các đáp án ngắn và dễ nhớ.
- Example 2: từ khóa trong bài và trong câu hỏi được paraphrase toàn bộ. Các đáp án là câu dài.
=> Cần luyện tập đọc hiểu và nghe hiểu thông tin thay vì nhớ và chờ nghe key word.

3. LƯU Ý TRÁNH BÃY

- Thông tin nhiễu

Woman: Hello, this is Kelly in the **accounting** department. The **ink cartridge** in the **printer** on the fourth floor has run out. Do you think you could come to replace it today?

Man: Sure. By the way, can I ask you a favor? I need you to let me know what model the machine is so I can bring the correct one. Actually, I'm not in the office right now, so I can't see what it is.

Q: What problem is the woman reporting?

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

(A) An **accounting** error has been made.

Lỗi kế toán

(B) A **printer** is out of order.

Máy in hỏng

(C) Some office supplies have been used up.

Hết văn phòng phẩm

(D) A document has become lost.

Mất tài liệu

- Paraphrase

Woman: Hello, this is Kelly in the accounting department. **The ink cartridge in the printer on the fourth floor has run out.** Do you think you could come to replace it today?

Man: Sure. By the way, can I ask you a favor? I need you to let me know what model the machine is so I can bring the correct one. Actually, I'm not in the office right now, so I can't see what it is.

Q: What problem is the woman reporting?

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

(A) An accounting error has been made.

Lỗi kế toán

(B) A printer is out of order.

Máy in hỏng

(C) Some office supplies have been used up.

Hết văn phòng phẩm

(D) A document has become lost.

Mất tài liệu